

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/DS-ST

Ngày: 24 - 6 - 2022

V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Đỗ Quốc Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Nguyễn Thị Hải và bà Trần Thị Thúy Vinh.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hồng Dung - Thư ký Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Đinh Văn Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2022/TLST - DS ngày 18 tháng 01 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-DS ngày 02/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng A.

Địa chỉ: Tháp BIDV, 35, Quận H, Thành Phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền lại: bà Nguyễn Thị Th- Chuyên viên phòng QLRR Ngân hàng A - Chi nhánh B (Văn bản ủy quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021 và số 1209/QĐ-BIDV.BQB ngày 08/11/2021).

Địa chỉ: Số 368, đường Q, phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Bị đơn: anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1992 và chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn Ngân hàng A (viết tắt là Ngân hàng A) bà Nguyễn Thị Thtrình bày:

Ngày 29/4/2021, vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H đã ký với Ngân hàng A - Chi nhánh Q - Phòng giao dịch Th hợp đồng cấp tín dụng số 01/2021/9931203/HĐTD để vay số tiền 405.000.000 đồng (bốn trăm linh năm

triệu đồng); thời hạn vay, mục đích vay, thời điểm trả nợ, lãi suất (trong hạn, quá hạn), phí đã được ghi cụ thể theo các điều khoản trong hợp đồng.

Để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của mình, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H đã ký với Ngân hàng A - Chi nhánh Q - Phòng giao dịch Th hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9931203/HĐBĐ ngày 29/6/2017, tài sản thế chấp là quyền sử dụng thửa đất số 38, tờ bản đồ số 2, địa chỉ: thôn Th, xã Đ, huyện B, tỉnh Quảng Bình; diện tích 194 m² và tài sản trên đất là nhà ở cấp 4, có diện tích xây dựng 95m² được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CH 302231, số vào sổ: CH 01433 do Ủy ban nhân dân huyện Bố Trạch cấp ngày 24/5/2017 cho ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị H (hợp đồng thế chấp đã được công chứng và đăng ký thế chấp tại cơ quan có thẩm quyền).

Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng cấp tín dụng, anh C và chị H đã không thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng để phát sinh nợ quá hạn, thời điểm phát sinh nợ quá hạn là ngày 15/7/2021, kể từ ngày phát sinh nợ quá hạn phía Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc anh C chị H trả nợ nhưng anh C chị H vẫn không trả, cho đến ngày 19/4/2022 sau khi Ngân hàng khởi kiện anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H mới trả thêm được 8.000.000 đồng tiền gốc.

Do phía bị đơn anh C và chị H đã vi phạm nghiêm trọng các điều khoản đã cam kết tại Hợp đồng cấp tín dụng nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh C và chị H phải trả số tiền tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm ngày 24/6/2022 là 436.574.658 đồng (trong đó, nợ gốc là 397.000.000 đồng, nợ lãi là 39.286.274 đồng, phí quá hạn là 288.384 đồng) và các khoản nợ lãi, phí phát sinh kể từ sau ngày xét xử sơ thẩm cho khi anh C và chị H trả hết các khoản nợ.

Trường hợp anh C và chị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc trả không đủ nợ gốc, lãi và phí cho Ngân hàng A, Ngân hàng A đề nghị Tòa án tuyên xử lý tài sản bảo đảm nêu trên để thu hồi nợ vay. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán hết dư nợ vay thì anh C và chị H có nghĩa vụ tiếp tục sử dụng mọi tài sản và thu nhập hợp pháp khác để thanh toán hết số tiền còn nợ cho Ngân hàng.

Riêng số tiền 2.000.000 đồng về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ mà phía Ngân hàng A đã nộp, nay yêu cầu anh C và chị H phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H, quá trình giải quyết vụ án anh C và chị H đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; thông báo tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa án nhưng anh C và chị H thiếu hợp tác, chỉ có chị Hiền đến Tòa án 01 lần vào ngày 10/02/2022 và trình bày: vợ chồng đã biết Ngân hàng khởi kiện và đã nhận được các loại giấy tờ do Tòa án gửi đến; chị thừa nhận đang nợ Ngân hàng A số tiền gốc và lãi, phí quá hạn đúng như Ngân hàng A đã nêu, không có thắc mắc gì về số nợ trên. Vợ chồng chị nhất trí sẽ trả nhưng xin thêm thời gian vì hiện tại làm ăn khó khăn, lại thêm dịch bệnh Covid nên chưa có tiền để trả nợ cho Ngân hàng, còn việc anh C không đến làm việc tại Tòa án được

là do anh C đi biển để kiếm tiền. Tòa án cũng đã tiến hành tổng đạt và niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST - DS ngày 11 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-DS ngày 02/6/2022 nhưng anh C và chị H vẫn vắng mặt tại phiên tòa hôm nay.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bồ Trạch phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã thực hiện đúng theo quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 401, 418, 463, 466 và 468 Bộ luật dân sự đề nghị tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, phí và các chi phí phát sinh theo hợp đồng đã ký kết. Ngoài ra, cần tuyên nghĩa vụ chịu án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và quyền kháng cáo đối với các đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, bị đơn có nơi cư trú tại huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình và nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch giải quyết. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Xét bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2021/9931203/HĐTD ngày 29/4/2021 giữa Ngân hàng A với anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H được các bên ký kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại các Điều 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275 và Điều 463 Bộ luật dân sự và Điều 91 Luật tổ chức tín dụng nên có hiệu lực pháp luật. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H không trả tiền gốc, lãi và phí cho Ngân hàng A là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự. Hiện Ngân hàng A khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi và phí phát sinh tính đến hết ngày 24/6/2022 là 436.574.658 đồng (trong đó, nợ gốc là 397.000.000 đồng, nợ lãi là 39.286.274 đồng, phí quá hạn là 288.384 đồng) là có cơ sở, cần chấp nhận.

[2.2] Xét Hợp đồng thế chấp giữa Ngân hàng A với anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H để bảo đảm khoản vay cho anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H được các bên giao kết là hoàn toàn tự nguyện, nội dung hợp đồng không trái pháp luật, đạo đức xã hội và phù hợp với các quy định tại các Điều 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322 và Điều 323 của Bộ luật dân sự, sau khi ký kết hợp đồng, các bên đã thực hiện việc công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm. Do vậy hợp đồng thế chấp có hiệu lực pháp luật, các bên phải tuân thủ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nếu anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H không trả được nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp của bên thế chấp để thu hồi nợ là có căn cứ, cần chấp nhận.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 2.000.000 đồng mà phía nguyên đơn đã nộp tạm ứng, nay yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng A được chấp nhận nên buộc bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H phải chịu và hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng cho Ngân hàng là phù hợp với các quy định tại Điều 157, 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về án phí: Do bị đơn có nghĩa vụ phải trả nợ cho nguyên đơn nên bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 157, 158, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 117, 118, 119, khoản 1 Điều 275, 292, 293, 295, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 322, 323, 357, 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng; Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Về hình thức: Tuyên xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H.

2. Về nội dung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng A.

2.1. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H phải thanh toán cho nguyên đơn Ngân hàng A tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 24/6/2022 là 436.574.658 đồng (nợ gốc là 397.000.000 đồng, nợ lãi là 39.286.274 đồng, phí quá hạn là 288.384 đồng).

2.2. Trường hợp anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H không thanh toán được nợ cho Ngân hàng A thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình thực hiện các biện pháp xử lý tài sản thế chấp của anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 01/2017/9931203/HĐBĐ ngày 29/6/2017 mà anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H đã ký với Ngân hàng

A để thu hồi nợ. Trường hợp phát mại tài sản thế chấp không đủ để thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi trả hết toàn bộ các khoản nợ cho Ngân hàng A.

2.3. Kể từ ngày 25/6/2022 anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H còn phải tiếp tục trả khoản tiền lãi, phí của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng cấp tín dụng số 01/2021/9931203/HĐTD ngày 29/4/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Buộc anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H phải hoàn trả cho Ngân hàng BDIV số tiền 2.000.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị H phải chịu 21.828.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngân hàng A không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho Ngân hàng A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.474.000 đồng theo biên lai thu số 0003203 ngày 18/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bồ Trạch, tỉnh Quảng Bình.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

6. Trong trường hợp Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Bồ Trạch;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trạch;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Đỗ Quốc Tân